



Empowered lives.
Resilient nations.

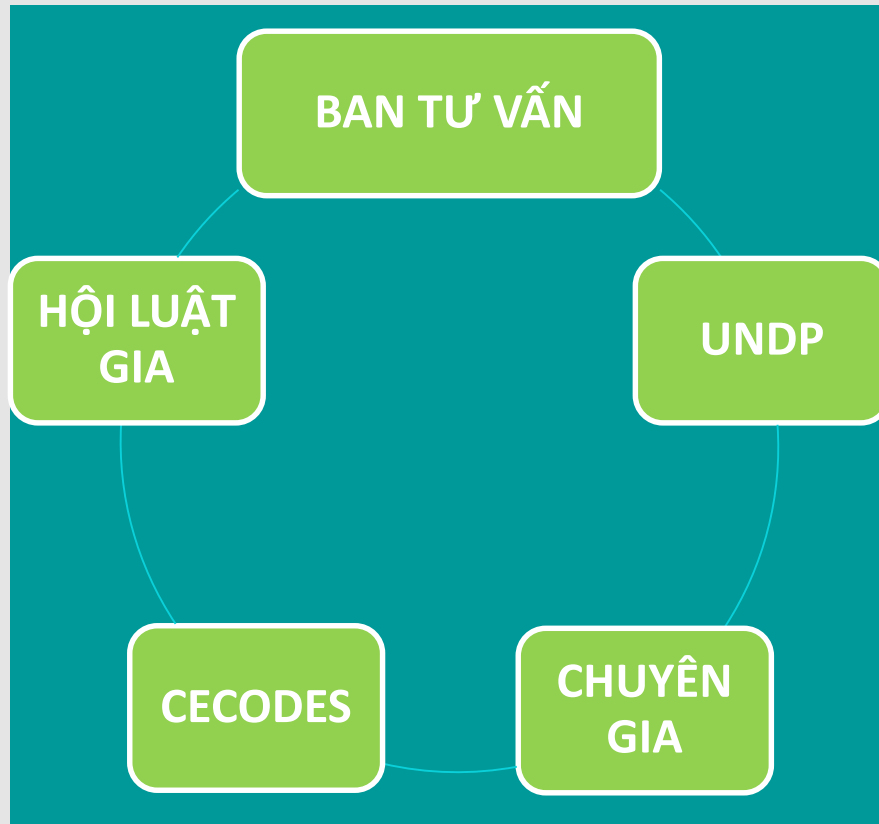
CHỈ SỐ CÔNG LÝ 2012

Thực trạng về Công bằng và Bình đẳng dựa trên ý kiến của người dân

Hà Nội, 12/11/2013



CÁC ĐỐI TÁC CHÍNH



BAN TƯ VẤN

1. Ông **Bakhodir Bukhanov**, Phó Giám đốc Quốc gia, UNDP
2. Ông **Nguyễn Sĩ Dũng**, Phó chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội
3. Ông **Nguyễn Công Hồng**, Phó chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp Quốc hội
4. Bà **Phạm Chi Lan**, Chuyên gia kinh tế cao cấp
5. Ông **Phạm Duy Nghĩa**, Đại học Kinh tế Tp. HCM
6. Ông **Nguyễn Văn Quyền**, Phó trưởng Ban chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung ương
7. Ông **Lê Minh Tâm**, Phó chủ tịch, Hội Luật gia VN
8. Ông **Đặng Hùng Võ**, Chuyên gia phân tích chính sách

CHỈ SỐ CÔNG LÝ là gì?

- **Các chỉ số là số liệu tổng hợp từ thực tiễn**
 - phản ánh ý kiến của người dân về hiệu quả thực thi pháp luật và bảo vệ công lý tại các địa phương
- **Các chỉ số là các chỉ báo về những tồn tại, hạn chế**
 - trong tiếp cận công lý và bảo vệ quyền của người dân ở cấp quốc gia và so sánh giữa các địa phương
- **Các chỉ số đặt ra mục tiêu cho các cải cách trong tương lai**
 - Giúp đưa ra các khuyến nghị chính sách ở cấp quốc gia và địa phương
 - Cơ sở cho các cơ quan nhà nước thực hiện trách nhiệm giải trình về hiệu quả hoạt động
 - Giúp giám sát các tiến trình cải cách luật pháp và tư pháp

CÁC TRỤC NỘI DUNG CỦA CHỈ SỐ



TỔNG QUAN CẢ NƯỚC

Công bằng và bình đẳng trong tiếp cận công lý
Phương thức giải quyết tranh chấp của người dân
Vai trò của các cơ quan nhà nước

CÁC TRANH CHẤP PHỔ BIẾN

2

0

1

1

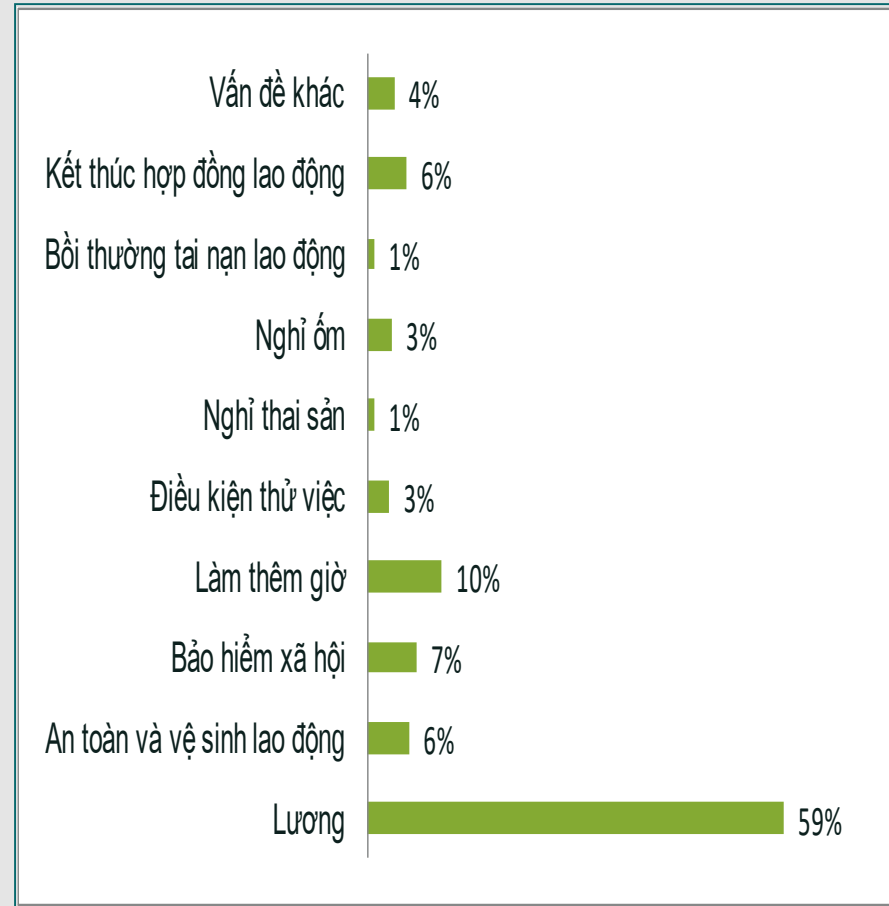
Loại tranh chấp	Mẫu	Tỷ lệ tranh chấp
Lao động*	1693	1.95%
Kinh tế, thương mại**	2762	1.85%
Đất đai	5045	1.15%
Dân sự	5045	0.99%
Môi trường	5045	0.89%
Chính sách xã hội	5045	0.42%

(*) thống kê những người đi làm

(**) thống kê những người có kinh doanh, buôn bán

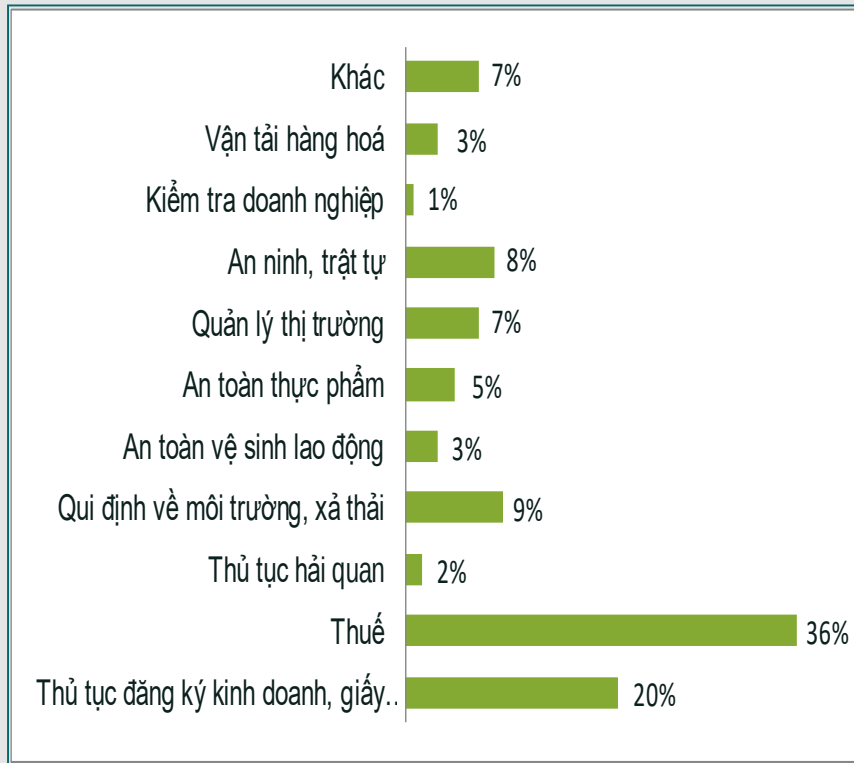
TRANH CHẤP LAO ĐỘNG

- 59% tranh chấp về tiền lương; 40% tranh chấp xảy ra với người lao động thời vụ, ngắn hạn, không có hợp đồng
- 19% người tham gia khảo sát cho biết “sử dụng lao động trẻ em dưới 15 tuổi là phổ biến” ở địa phương
- Người nghèo, người có học vấn thấp thường gặp vướng mắc trong lao động
- Không có hợp đồng lao động là một bất lợi cho người lao động khi cần bảo vệ quyền lợi kinh tế

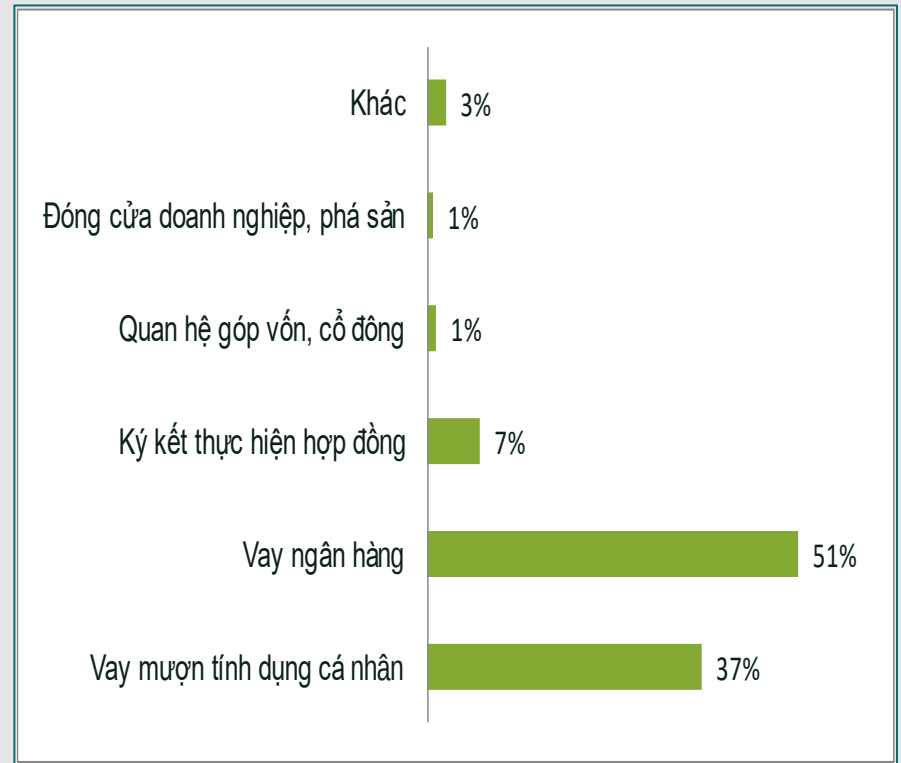


TRANH CHẤP KINH TẾ

NHÀ NƯỚC – DOANH DÂN



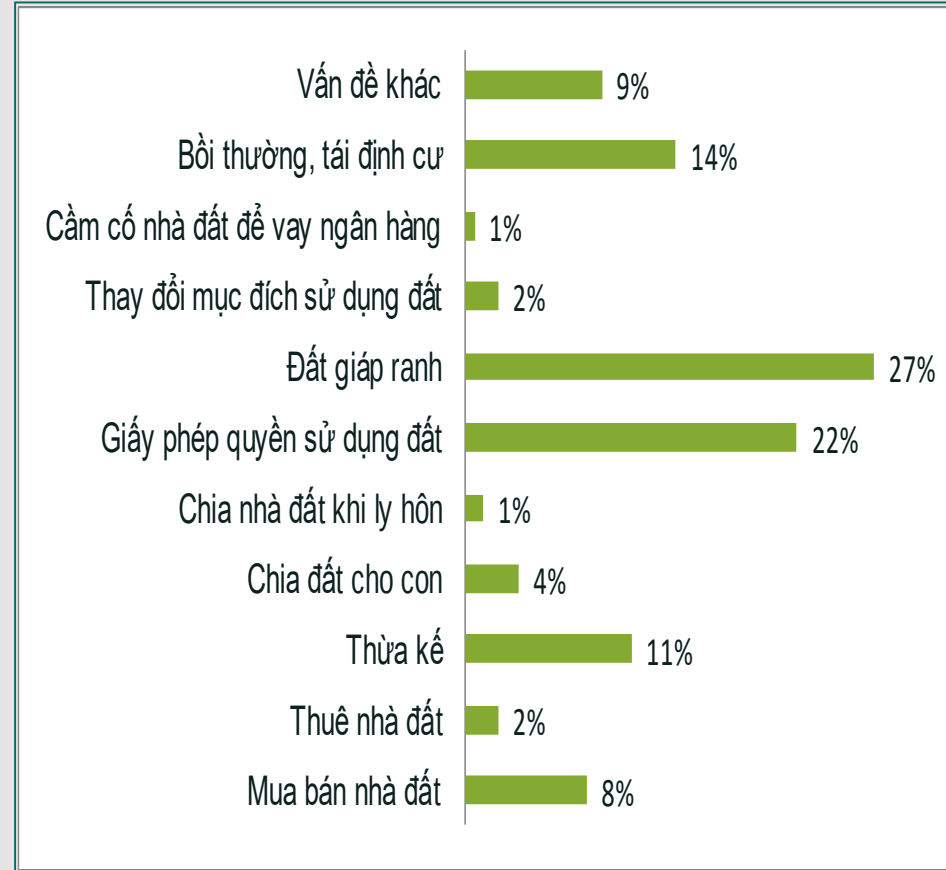
DOANH DÂN – DOANH DÂN



- Vướng mắc phổ biến giữa doanh dân với cơ quan quản lý nhà nước là về thuế và thủ tục đăng ký kinh doanh
- Vướng mắc phổ biến giữa doanh dân với nhau là về vay ngân hàng, tín dụng

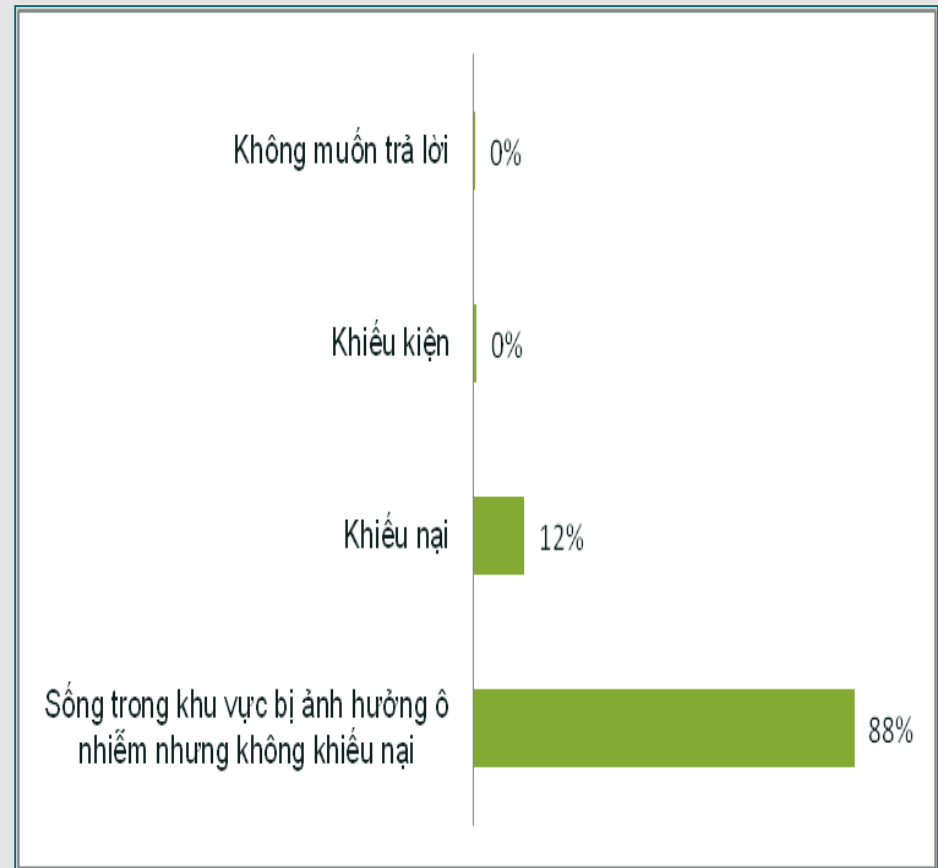
TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI

- 62% tranh chấp dân sự: đất giáp ranh, thừa kế, mua bán nhà đất...
- 38% vướng mắc, khiếu nại tới cơ quan nhà nước địa phương: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi và bồi thường tái định cư...
- 43% người tham gia khảo sát cho biết “Khiếu nại, tranh chấp về đất đai là vấn đề nóng tại địa phương”

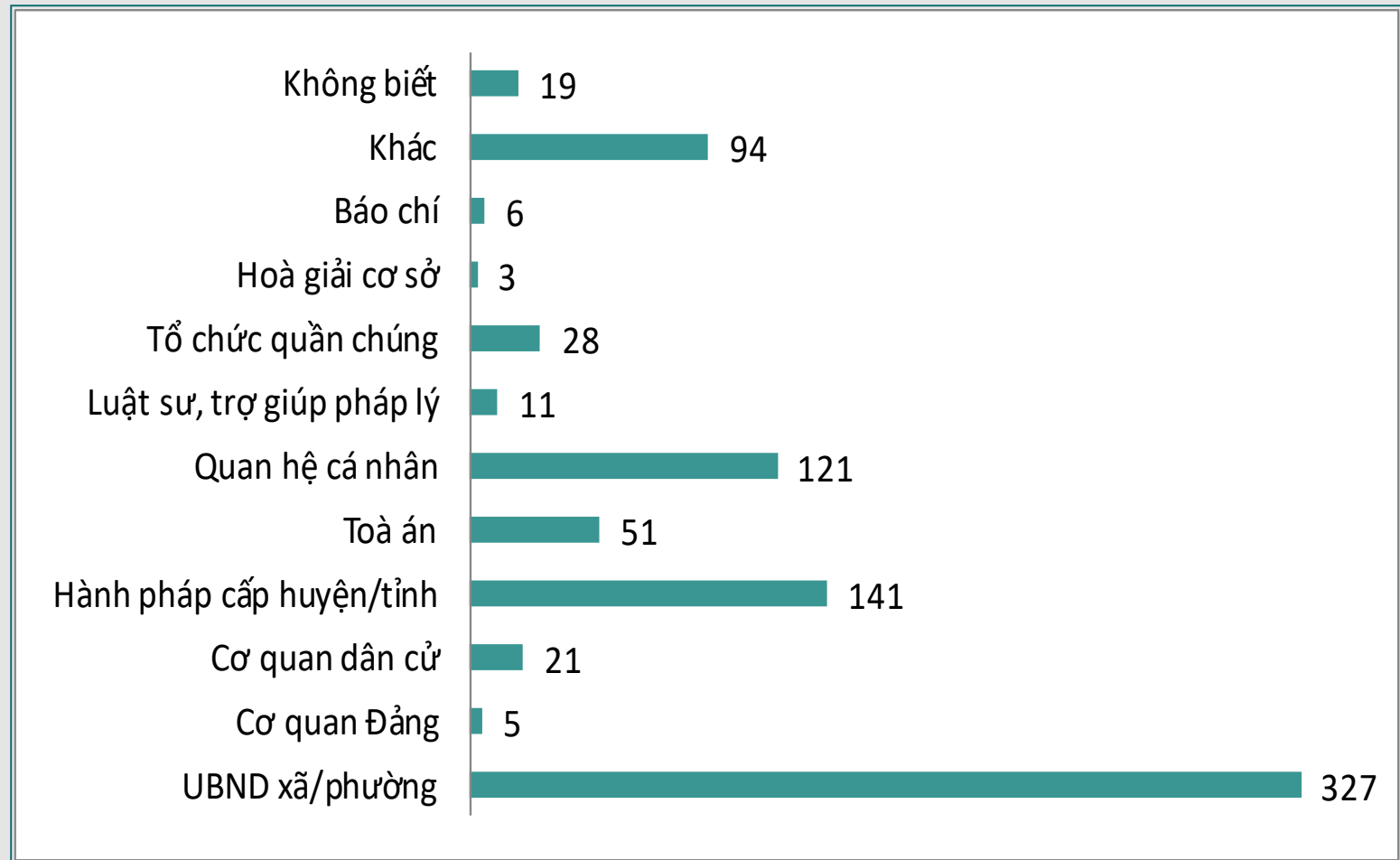


Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ KHIẾU NẠI

- 31% người tham gia khảo sát sống trong môi trường bị ảnh hưởng bởi ô nhiễm
- 12% có khiếu nại, yêu cầu khắc phục và bồi thường thiệt hại do ô nhiễm
- 60% người tham gia khảo sát cho rằng “chính quyền địa phương ưu tiên phát triển kinh tế hơn bảo vệ môi trường”



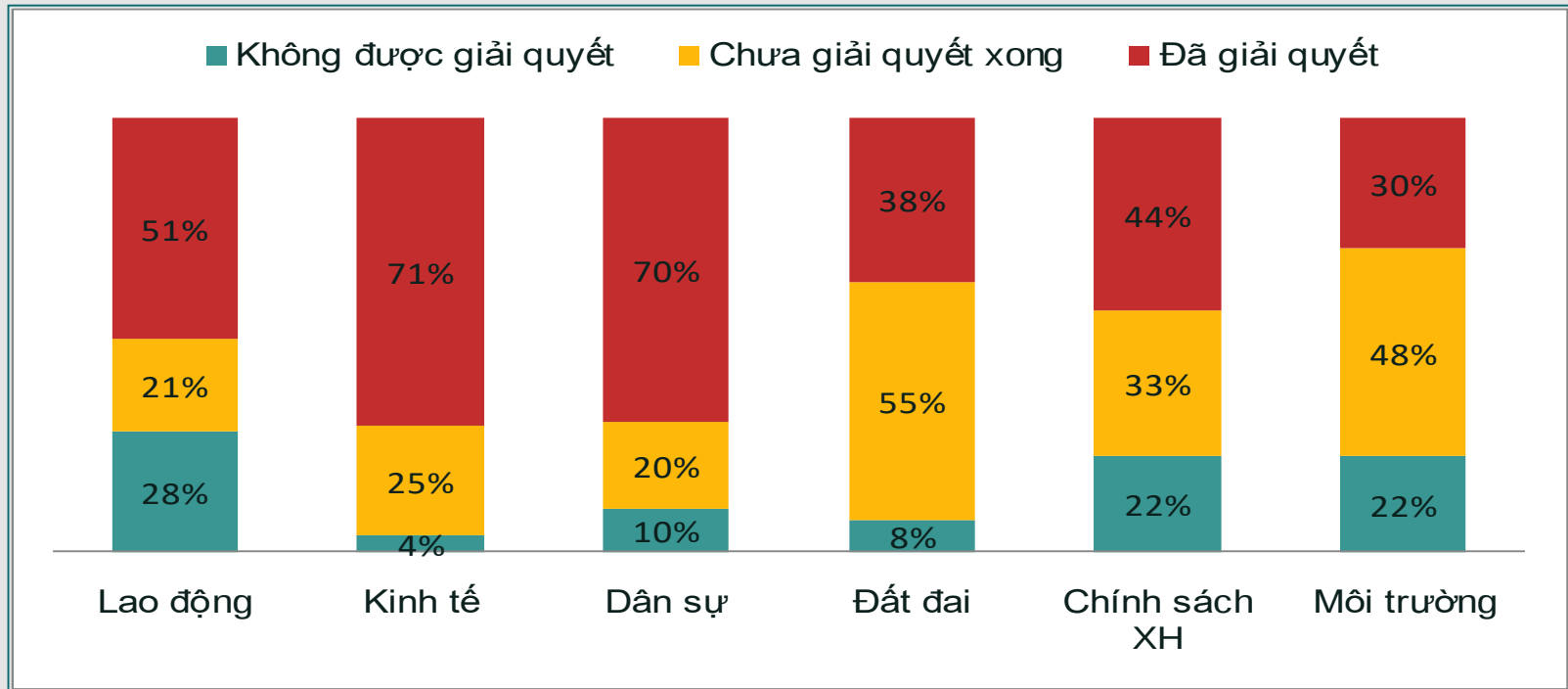
HỖ TRỢ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC



Cơ quan/tổ chức/cá
nhân

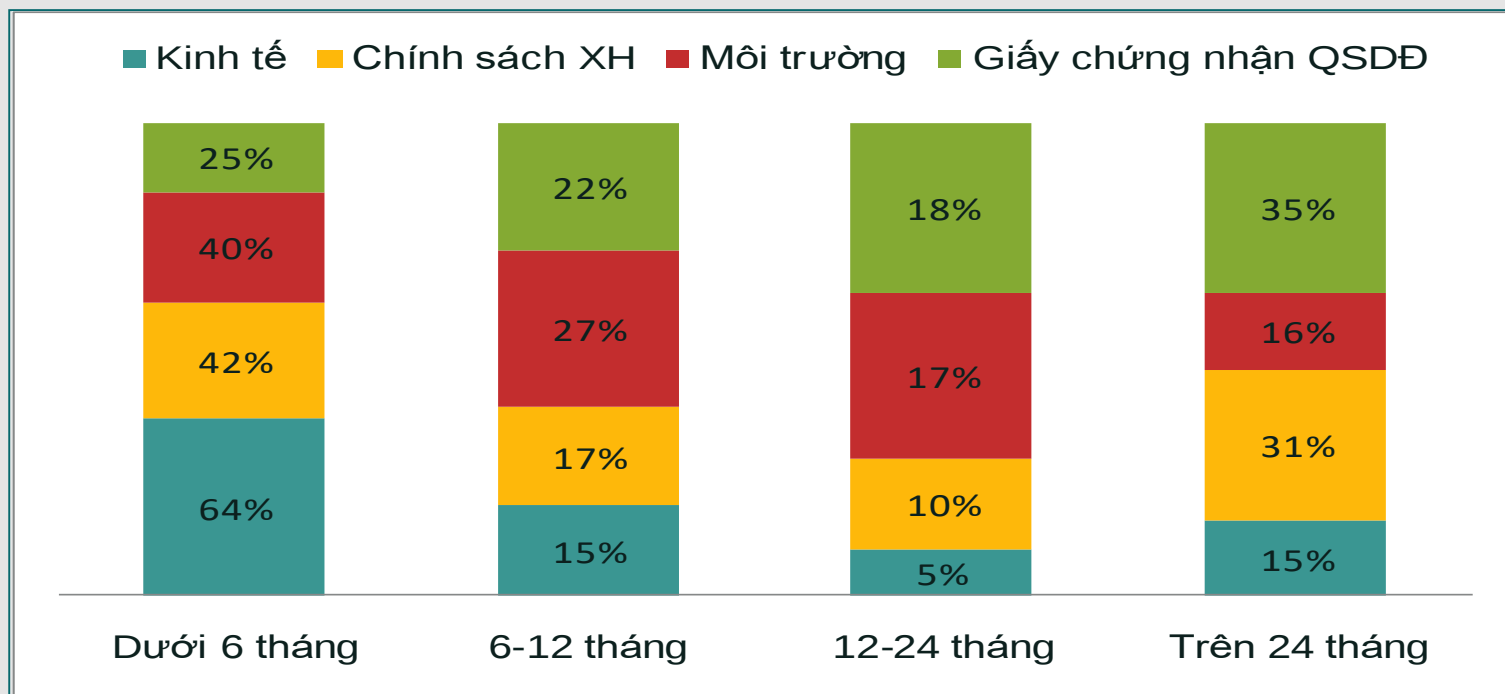
Tổng số tranh chấp đã yêu cầu các cơ quan/tổ
chức/cá nhân hỗ trợ giải quyết

HIỆU QUẢ GIẢI QUYẾT



- Trên 20% tranh chấp lao động, khiếu nại chính sách xã hội và môi trường không được giải quyết
- Gần 50% tranh chấp đất đai và khiếu nại về môi trường đang tồn đọng, chưa được giải quyết xong
- Tranh chấp kinh tế và dân sự được giải quyết tốt hơn các loại tranh chấp khác, tỷ lệ đã giải quyết trên 70%

THỜI GIAN THỤ LÝ



- Phần lớn thời gian thụ lý giải quyết các yêu cầu là vượt quá thời hạn theo luật định.
- Thời gian giải quyết trung bình với khiếu nại môi trường là 17 tháng, với khiếu nại về chính sách xã hội là 27 tháng, với nộp hồ sơ xin GCNQSDĐ là 41 tháng (~ 3.5 năm).

BẢO ĐẢM QUYỀN TRÊN THỰC TẾ

Nhóm xã hội	Tự do kinh doanh	Bình đẳng giới	Tự do ngôn luận	Tự do báo chí	Quyền thông tin	Quyền hội họp	Quyền lập hội	Quyền biểu tình	Tự do tín ngưỡng	Tự do tôn giáo	Khuyến nài, tố cáo	Tự do đi lại	Tự do cư trú
Phụ nữ	94,8	94,5	88,4	88,6	92,1	92,7	85,8	54,5	94,2	95,5	94,4	97,7	94,8
Học vấn thấp	94,1	95,0	91,5	91,5	92,2	94,5	88,2	54,8	94,0	94,0	91,5	96,6	94,8
Nghèo	93,0	94,4	89,7	89,6	91,0	94,3	85,9	55,1	92,3	92,7	91,2	95,8	94,5
Có vị thế xã hội	94,6	95,4	86,0	88,6	92,8	92,5	81,0	38,3	94,8	95,9	95,6	98,7	95,5

Ghi chú: Các con số cho biết % số người tham gia khảo sát đồng ý là một quyền nhất định được bảo đảm trên thực tế

- Việc bảo đảm các quyền cơ bản trên thực tế trên thực tế còn hạn chế: biểu tình, lập hội, tự do ngôn luận, tự do báo chí;
- Người có học vấn thấp, người nghèo và phụ nữ ở vị trí vô cùng bất lợi trong việc hiện thực hoá phần lớn các quyền cơ bản trên thực tế
- Tồn tại phân biệt đối xử của cán bộ/cơ quan nhà nước ở địa phương với người đồng tính, người có HIV/AIDS và người nghèo

THAM GIA VÀO SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP

	h01_Nghe/biết về Hiến pháp	h02_Biết về sửa Hiến pháp	h04_Người dân có quyền tham gia	h05_Người dân có quyền phúc quyết
Phụ nữ	0.444***	0.523***	0.542***	0.680***
Học vấn thấp	0.159***	0.163***	0.179***	0.255***
Nghèo	0.613***	0.461***	0.557***	0.683***
Có vị thế xã hội	5.190***	3.598***	3.603***	1.682***

(*) Ghi chú: Các số liệu là tỷ suất chênh; *** thể hiện độ tin cậy thống kê cấp độ 0,001.

- 42,4% người được phỏng vấn “không từng nghe” hoặc “không biết” về Hiến pháp. Trong số những người biết, 23% không biết về quá trình xem xét sửa đổi Hiến pháp đang diễn ra.
- 88,6% cho là người dân có quyền tham gia góp ý sửa đổi Hiến pháp
- 74,2% cho là người dân nên có quyền phúc quyết với Hiến pháp sửa đổi.
- Người có học vấn thấp, người nghèo và phụ nữ vô cùng bất lợi về cơ hội hiểu biết và tham gia quá trình sửa đổi Hiến pháp, trong tương quan với nhóm đối chứng và với người có vị thế xã hội.

PHÁT HIỆN CHUNG

Bảo đảm các quyền cơ bản trên thực tế còn hạn chế (như quyền biểu tình, tự do lập hội, tự do báo chí)

Hiện diện của bất bình đẳng về quyền, cơ hội và tiếp cận các thiết chế công được ghi nhận ở các nhóm dân cư yếu thế (người có học vấn thấp, người nghèo, phụ nữ)

Tiếp cận toà án và các thiết chế hỗ trợ tư pháp còn rất hạn chế.

Cơ quan hành chính nhà nước địa phương có vai trò chủ đạo trong giải quyết vướng mắc và tranh chấp dân sự, khiếu nại hành chính

Hiệu quả của các thiết chế công còn hạn chế: thời gian thụ lý, kết quả giải quyết

Người dân kỳ vọng vào một hệ thống tư pháp hiệu quả, nghiêm minh và chuyên nghiệp hơn

CHỈ SỐ CÔNG LÝ

đo lường hiệu quả thực thi pháp
luật & bảo vệ công lý tại các địa
phương

1. Khả năng tiếp cận

1.1 Tiếp cận
thông tin

1.2 Dịch vụ PL
cơ bản

1.3 Khả năng
chi trả

2. Công bằng

2.1 Bình đẳng
trước PL

2.2 Vai trò các
định chế công

2.3 Giải quyết
khiếu nại HC

3. Liêm chính

3.1 Kiểm soát
tham nhũng

3.2 Tính
chuyên nghiệp

3.3 Giám sát
tư pháp

4. Tin cậy & hiệu quả

4.1 Rõ ràng về
thủ tục

4.2 Tin tưởng
định chế công

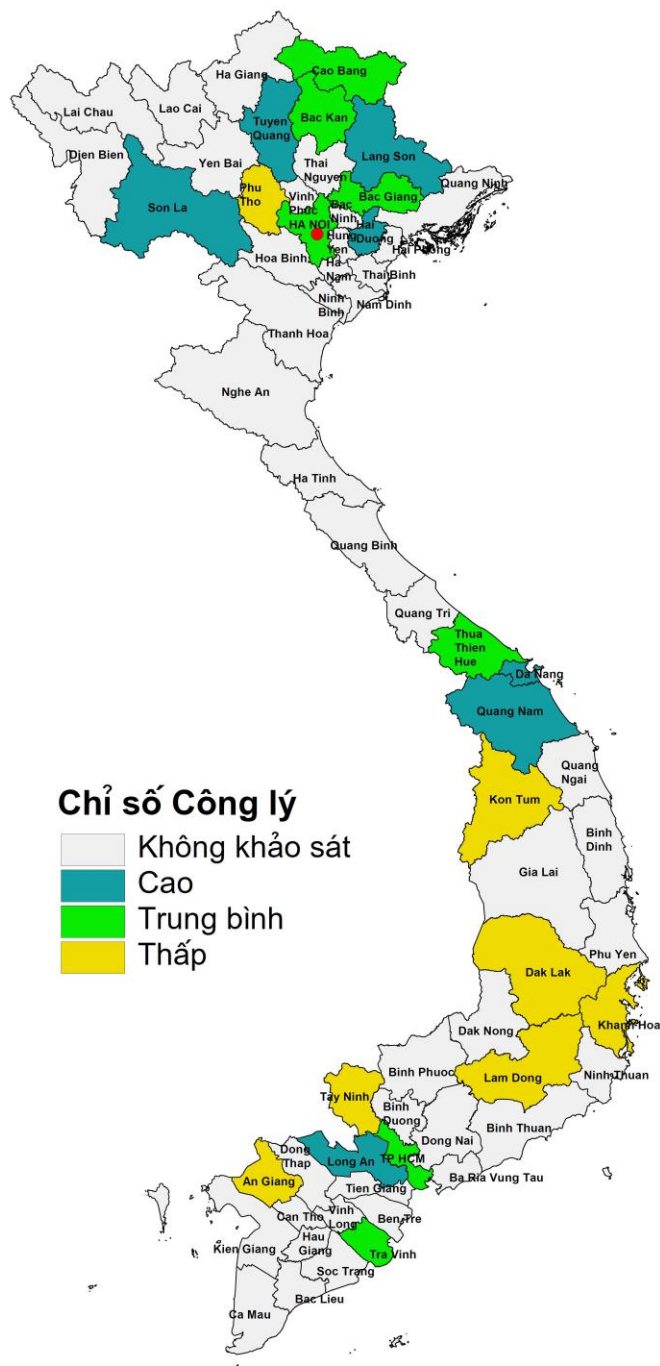
4.3 Hiệu quả
giải quyết

5. Đảm bảo quyền cơ bản

5.1 Hiểu biết
về quyền

5.2 Cơ chế bảo
vệ

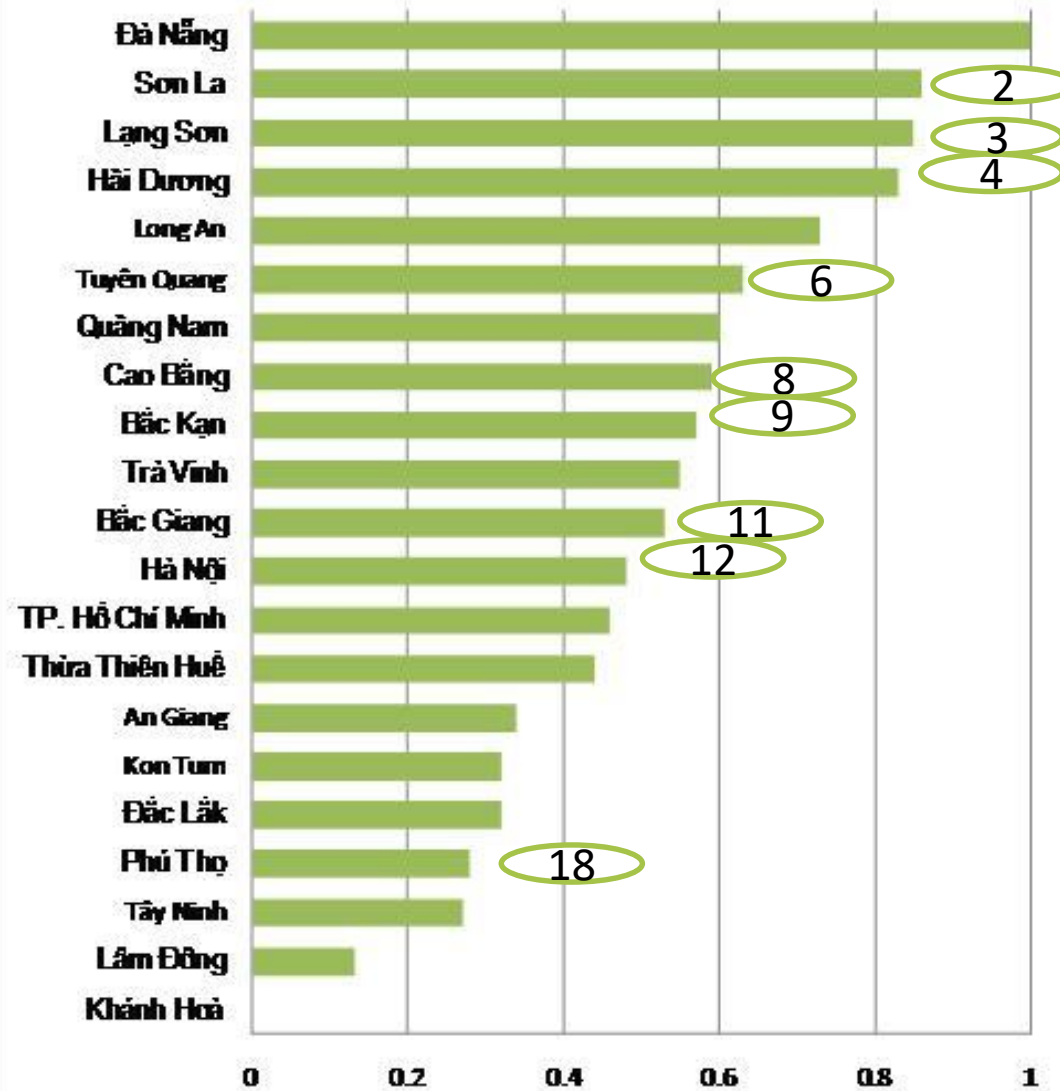
5.3 Bảo đảm
trên thực tế



Hoàng Sa Islands

Truong Sa Islands

Chỉ số Công lý 2012



CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ BẮC BỘ

Kết quả 5 trục nội dung
Một số phát hiện chính
Khuyến nghị chính sách

CHỈ SỐ TỔNG HỢP theo 5 trục nội dung: Các tỉnh/thành phố Bắc bộ

Tỉnh/TP	1. Khả năng tiếp cận	2. Công bằng	3. Liêm chính	4. Tin cậy & hiệu quả	5. Bảo đảm quyền
Hà Nội	0,81	0,68	0,78	0,72	0,73
Phú Thọ	0,62	0,75	0,74	0,66	0,73
Hải Dương	0,85	0,65	0,80	0,74	0,74
Bắc Giang	0,69	0,69	0,77	0,71	0,74
Lạng Sơn	0,84	0,72	0,87	0,75	0,73
Trung vị	0,75	0,73	0,80	0,80	0,69

Mã màu

Cao

Trung bình

Thấp

TRỤC 1 - KHẢ NĂNG TIẾP CẬN

			HÀ NỘI	PHÚ THỌ	HẢI DƯƠNG	BẮC GIANG	LẠNG SƠN
Trục nội dung 1 - Khả năng tiếp cận			0,81	0,62	0,85	0,69	0,84
Tiếp cận thông tin pháp luật	1.1.1	Nguồn thông tin pháp luật sẵn có	0,52	0,30	0,74	0,41	0,51
	1.1.2	Hiểu biết về sự cần thiết và điều kiện xin GCNQSDĐ	0,52	0,48	0,48	0,47	0,55
	1.1.3	Hiểu biết về các phương thức giải quyết tranh chấp kinh tế, thương	0,94	0,67	1,00	1,00	1,00
	1.1.4	Hiểu biết về các phương thức giải quyết tranh chấp lao động	0,73	0,79	0,75	0,67	0,80
	1.1.5	Hiểu biết về các phương thức giải quyết tranh chấp đất đai	0,71	0,88	0,92	1,00	0,70
	1.1.6	Hiểu biết về các phương thức giải quyết tranh chấp dân sự	0,94	0,75	1,00	1,00	1,00
Sẵn có các dịch vụ pháp lý cơ bản	1.2.1	Thủ tục đăng ký kết hôn	0,99	0,99	1,00	0,98	0,98
	1.2.2	Dịch vụ hành chính tư pháp cơ bản	0,96	0	1,00	0	1,00
	1.2.3	Khả năng đáp ứng dịch vụ hành chính tư pháp cơ bản	0,95	0	1,00	1,00	1,00
	1.2.4	Thủ tục cấp GCNQSDĐ	0,46	0,35	0,43	0,24	0,60
Khả năng chi trả	1.3.1	Chi phí thực tế xin GCNQSDĐ	0,97	1,00	0,98	1,00	0,98
	1.3.2	Khả năng chi trả cho giải quyết tranh chấp lao động	0,91	0,99	0,86	0,91	0,91
	1.3.3	Hiệu quả chi phí trong giải quyết tranh chấp, khiếu nại	0,74	0,63	0,76	0,35	0,70

Trục 1: Những phát hiện chính

- Cả nước
 - Có sự chênh lệch lớn giữa các tỉnh
 - Không có phân hoá vùng miền
 - “Sẵn có các dịch vụ pháp lý cơ bản” (1.2) là yếu nhất trong 3 chỉ số thành phần và dao động nhiều nhất giữa các tỉnh
- Bắc bộ:
 - “Tiếp cận thông tin pháp luật” (1.1) là yếu nhất trong 3 chỉ số về Khả năng tiếp cận
 - Người dân không biết về các thủ tục xin GCNQSDĐ (1.2.4)
 - Người dân không hài lòng về hiệu quả chi phí trong giải quyết tranh chấp, khiếu nại (1.3.3)

TRỤC 2 – CÔNG BẰNG

			HÀ NỘI	PHÚ THỌ	HẢI DƯƠNG	BẮC GIANG	LẠNG SƠN
2	Trục nội dung 2 - Công bằng		0,68	0,75	0,65	0,69	0,72
2.1	Bảo đảm bình đẳng trước pháp luật	2.1.1 Bình đẳng trong giải quyết tranh chấp lao động	0,86	0,64	0,94	0,78	0,68
		2.1.2 Bình đẳng thực chất giữa các nhóm xã hội	0,27	0,37	0,46	0,37	0,37
		2.1.3 Không có phân biệt đối xử	0,76	0,90	0,77	0,96	0,80
2.2	Vai trò của các định chế nhà nước trong bảo đảm công bằng	2.2.1 Vai trò quyết định của các định chế nhà nước trong giải quyết tranh chấp lao động	0,64	0,58	0,62	0,45	0,74
		2.2.2 Vai trò quyết định của các định chế nhà nước trong giải quyết tranh chấp đất đai	0,83	0,86	0,81	0,89	0,88
		2.2.3 Vai trò quyết định của các định chế nhà nước trong giải quyết khiếu nại ô nhiễm	0,83	0,91	0,88	0,95	0,90
2.3	Giải quyết kịp thời các khiếu nại hành chính	2.3.1 Thời gian xử lý khiếu nại hành chính liên quan tới đất đai	0,36	0,75	0,19	0,42	0,24
		2.3.2 Thời gian xử lý khiếu nại về điều kiện kinh doanh, quản lý thị trường	0,72	0,98	0,25	0,59	0,96
		2.3.3 Thời gian xử lý các yêu cầu thủ tục về đất đai	0,38	0,80	0,19	0,47	0,40
		2.3.4 Thời gian xử lý khiếu nại môi trường	0,82	0,75	0,78	0,72	0,96
		2.4.5 Khiếu nại tồn đọng về bồi thường ô nhiễm môi trường	0,95	0,92	0,92	0,87	1,00

Trục 2: Các phát hiện chính

- Cả nước

- Các thành phố lớn lại có xếp hạng yếu: mối liên quan giữa phát triển kinh tế và đảm bảo công bằng
- Thời gian xử lý khiếu nại: TP HCM làm tốt, nhưng Hà Nội và Đà Nẵng thuộc nhóm cuối bảng

- Bắc bộ

- bình đẳng thực chất giữa các nhóm xã hội chưa được bảo đảm
- vai trò của các định chế nhà nước trong việc giải quyết tranh chấp lao động cần được cải thiện
- thời gian xử lý các yêu cầu về thủ tục và khiếu nại về đất đai kéo dài

TRỤC 3 – LIÊM CHÍNH

		HÀ NỘI	PHÚ THỌ	HẢI DƯƠNG	BẮC GIANG	LẠNG SƠN
3	Trục nội dung 3 - Liêm chính	0,78	0,74	0,80	0,77	0,87
3.1	Kiểm soát tham nhũng trong lĩnh vực tư pháp	0,91	0,91	0,97	0,95	0,94
	3.1.1 Đưa hối lộ trong giải quyết tranh chấp dân sự					
	3.1.2 Đưa hối lộ trong giải quyết khiếu nại hành chính	0,78	0,81	0,85	0,82	1,00
3.2	Phong cách, thái độ chuyên nghiệp	0,78	0,50	0,71	0,57	0,90
	3.2.1 Đánh giá về mức độ chuyên nghiệp của cán bộ trong giải quyết tranh chấp dân sự					
	3.2.2 Đánh giá về mức độ chuyên nghiệp của cán bộ trong giải quyết khiếu nại hành chính	0,75	0,80	0,89	0,75	0,86
	3.2.3 Đánh giá về trách nhiệm của cán bộ trong giải quyết tranh chấp dân sự	0,63	0,50	0,71	0,57	0,80
	3.2.4 Đánh giá về trách nhiệm của cán bộ trong giải quyết các tranh chấp hành chính	0,70	0,40	0,89	0,75	0,71
	3.2.5 Đánh giá về phong cách thái độ của cảnh sát giao thông khi xử lý vi phạm	0,61	0,56	0,44	0,56	0,79
3.3	Cơ chế giám sát hoạt động tư pháp					
	3.3.1 Vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân xã/phường	0,86	0,84	0,82	0,82	0,81
	3.3.2 Vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh/thành phố	0,73	0,73	0,74	0,76	0,84

Trục 3: Các phát hiện chính

- Cả nước
 - các thành phố lớn tiếp tục xếp hạng thấp, trừ Đà Nẵng. Tuy nhiên, chênh lệch giữa các tỉnh nhỏ hơn so với các trục khác
 - Hối lộ trong tranh chấp hành chính cao hơn trong tranh chấp dân sự, ở các thành phố lớn nhiều hơn ở các tỉnh khác
- Bắc bộ:
 - Phong cách, thái độ chuyên nghiệp và trách nhiệm của cán bộ/cơ quan nhà nước trong giải quyết các yêu cầu, khiếu nại của người dân được đánh giá thấp; chỉ số 3.2 là chỉ số yếu nhất ở trục 2
 - Vai trò giám sát: người dân đánh giá vai trò của HĐND cấp xã cao hơn cấp tỉnh

TRỤC 4 – TIN CẬY VÀ HIỆU QUẢ

			HÀ NỘI	PHÚ THỌ	HẢI DƯƠNG	BẮC GIANG	LẠNG SƠN
4	Trục nội dung 4 - Tin cậy và hiệu quả		0,72	0,66	0,74	0,71	0,75
4.1	Rõ ràng về thủ tục	4.1.1 Ý kiến của người dân về thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	0,95	0,95	0,93	1,00	0,94
		4.1.2 Rõ ràng về thủ tục giải quyết tranh chấp dân sự	0,70	0,50	0,71	0,57	0,50
		4.1.3 Rõ ràng về thủ tục giải quyết khiếu nại hành chính	0,85	0,60	0,78	1,00	0,86
4.2	Tin tưởng vào các định chế nhà nước	4.2.1 Ý kiến người dân về qui định mục đích sử dụng đất	1,00	0,88	1,00	1,00	1,00
		4.2.2 Ý kiến người dân về qui hoạch/kế hoạch sử dụng đất đai của địa phương.	0,93	1,00	0,93	1,00	1,00
		4.2.3 Ý kiến của người dân về GCNQSDĐ	0,50	0,50	0,29	0,43	0,67
		4.2.4 Ý kiến người lao động về vai trò của cơ quan nhà nước trong tranh chấp lao động	0,93	0,91	0,93	0,96	0,96
4.3	Hiệu quả giải quyết tranh chấp	4.3.1 Kết quả việc giải quyết tranh chấp dân sự trên thực tế	0,57	0,26	0,60	0,45	0,36
		4.3.2 Kết quả việc giải quyết khiếu nại hành chính trên thực tế	0,43	0,67	0,68	0,38	0,78

Trục 4 – Các phát hiện chính

- **Cả nước:**
 - Sự khác nhau giữa các tỉnh khá lớn, nhưng không phân hoá vùng miền rõ rệt
 - Hạn chế trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất không phải là quan ngại; Người dân bất an nhất về thiếu minh bạch trong quy hoạch đất đai (14%), và về việc không có sổ đỏ (41%)
 - Hiệu quả giải quyết tranh chấp dân sự là nội dung yếu nhất (4.3.1): điểm trung bình cả nước là 0,49/1; Bắc bộ là 45/1
- **Bắc bộ**
 - Hiệu quả giải quyết tranh chấp dân sự và khiếu nại hành chính rất thấp, cũng như thủ tục xin GCNQSDĐ
 - Người dân phàn nàn về sự thiếu rõ ràng trong thủ tục giải quyết tranh chấp dân sự

TRỤC 5 – BẢO ĐẢM QUYỀN CƠ BẢN

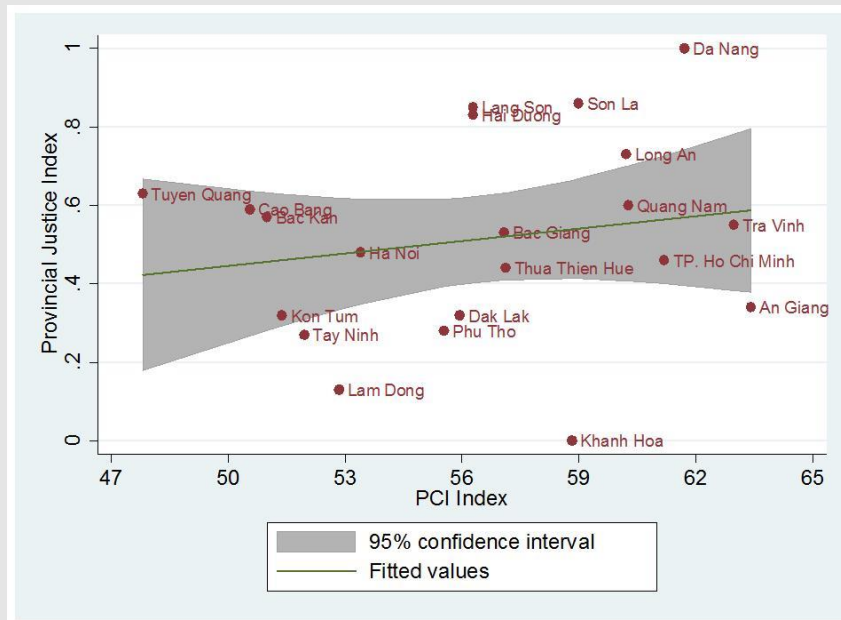
				HÀ NỘI	PHÚ THỌ	HẢI DƯƠNG	BẮC GIANG	LẠNG SƠN
5	Trục nội dung 5 - Bảo đảm các quyền cơ bản			0,73	0,73	0,74	0,74	0,73
5.1	Hiểu biết về các quyền cơ bản	5.1.1	Hiểu biết của người dân về Hiến pháp	0,73	0,68	0,79	0,60	0,69
		5.1.2	Hiểu biết của người dân về quá trình sửa đổi Hiến pháp	0,61	0,46	0,61	0,47	0,52
		5.1.3	Ý kiến của người dân về quyền phúc quyết	0,56	0,56	0,55	0,43	0,56
		5.1.4	Ý kiến của người dân về quyền tham gia vào quá trình sửa đổi Hiến pháp	0,65	0,64	0,70	0,57	0,64
		5.1.5	Hiểu biết của người dân về quyền thừa kế	0,74	0,57	0,62	0,62	0,64
		5.1.6	Hiểu biết của người dân về quyền học tiểu học miễn phí	0,41	0,42	0,59	0,59	0,30
		5.1.7	Hiểu biết của người nghèo về trợ giúp pháp lý miễn phí	0,90	0,76	0,83	0,89	0,81
5.2	Cơ chế bảo vệ quyền	5.2.1	Bảo đảm quyền khiếu nại tố cáo trên thực tế	0,89	0,93	0,91	0,95	0,95
		5.2.2	Người khiếu nại không bị gây khó khăn	0,61	0,68	0,61	0,69	0,63
		5.2.3	Biết về bầu trưởng thôn, bản/tổ trưởng dân phố	0,89	0,94	0,95	0,95	0,84
		5.2.4	Biết về bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh	0,86	0,94	0,92	0,88	0,85
		5.2.5	Biết về bầu cử đại biểu Quốc hội	0,69	0,89	0,84	0,82	0,76
		5.2.6	Tham gia bầu cử	0,81	0,83	0,85	0,82	0,80
		5.2.7	Người dân được biết, được bàn, được kiểm tra	0,85	0,81	0,91	0,82	0,80
		5.2.8	Hiểu biết về vai trò của công đoàn	0,80	0,85	0,73	0,90	0,90
5.3	Bảo đảm các quyền cơ bản trên thực tế	5.3.1	Tự do ngôn luận	0,83	0,91	0,80	0,90	0,88
		5.3.2	Tự do báo chí	0,79	0,74	0,75	0,86	0,87
		5.3.3	Quyền hội họp	0,89	0,97	0,83	0,91	0,93
		5.3.4	Quyền lập hội	0,79	0,93	0,78	0,84	0,87
		5.3.5	Quyền biểu tình	0,34	0,35	0,34	0,47	0,52
		5.3.6	Tự do tín ngưỡng	0,91	0,87	0,90	0,92	0,89
		5.3.7	Tự do tôn giáo	0,91	0,87	0,92	0,91	0,92
		5.3.8	Tự do cư trú trong nước	0,96	0,92	0,91	0,97	0,97
		5.3.9	Quyền trẻ em	0,87	0,88	0,89	0,92	0,88

Trục 5 – Các phát hiện chính

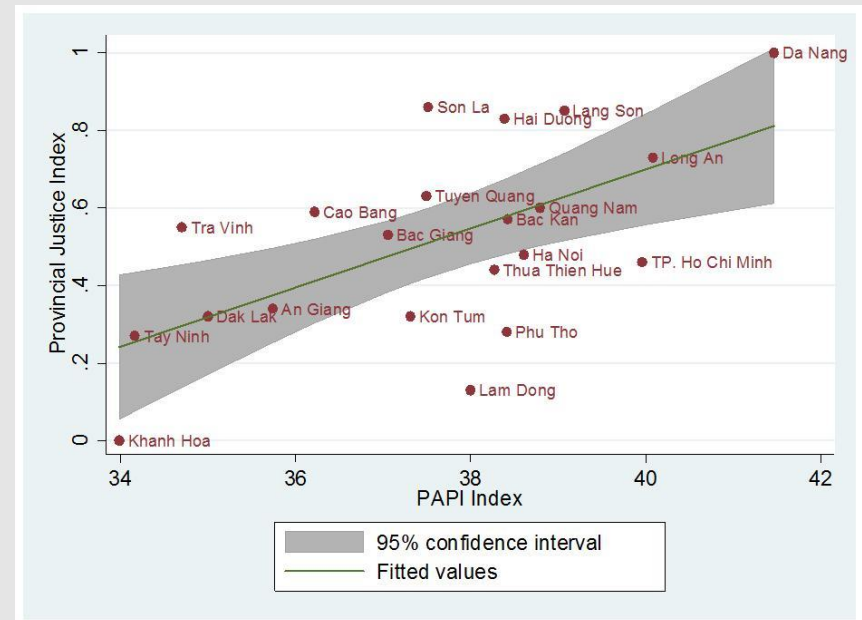
- Cả nước:
 - Nhìn chung, hiểu biết của người dân về quyền
 - Hiểu biết về Hiến pháp rất hạn chế (5.1.2): trung bình cả nước chỉ là 0,43/1; điểm trung bình ở Bắc bộ là 0,53/1
 - 16% cho rằng người khiếu nại, tố cáo bị gây khó dễ (5.2.2): trung bình cả nước 0,67; Bắc bộ là 0,64
 - Các quyền hiến định nhưng chưa luật định được thực hiện kém hơn.
- Bắc bộ:
 - Hiểu biết của người dân về các quyền cơ bản còn rất hạn chế: quyền thừa kế, quyền học tiểu học miễn học phí
 - Quyền được đánh giá thực hiện yếu nhất: biểu tình

TƯƠNG QUAN CÁC CHỈ SỐ QUẢN TRỊ kết quả năm 2012

Chỉ số Công lý và PCI



Chỉ số Công lý và PAPI



CÁC KHUYẾN NGHỊ & ĐỀ XUẤT

Xây dựng nhà nước pháp quyền
Thực thi pháp luật
Cơ chế bảo vệ quyền cơ bản của người dân

ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH

Cần tiếp tục cải cách tư pháp và nâng cao hiệu lực của pháp luật để đảm bảo công lý cho người dân

Xây dựng hệ thống tư pháp hiện đại, hữu hiệu, liêm chính và dân chủ, đáp ứng các yêu cầu của người dân – “của dân, do dân và vì dân”

Sử dụng Chỉ số Công lý trong công tác theo dõi, giám sát và đánh giá tiến trình cải cách tư pháp ở các địa phương

KHUYẾN NGHỊ CHUNG

- Các quyền hiến định cần được luật định
- Người dân cần được biết về các quyền cơ bản của mình và có cơ chế hữu hiệu để bảo đảm tôn trọng và bảo vệ các quyền này trên thực tế
- Hiệu quả của các cơ chế giải quyết tranh chấp dân sự cần được tăng cường: giảm thời gian thụ lý, tăng tính chuyên nghiệp, hiệu quả và cải thiện niềm tin của người dân vào các thiết chế công
- Dịch vụ hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp cần tiếp tục được cải thiện, đảm bảo thân thiện và dễ tiếp cận với người dân, đặc biệt là người nghèo, nhóm yếu thế
- Vai trò của các cơ quan dân cử trong giám sát hoạt động tư pháp cần được tăng cường và cụ thể hoá

ĐỀ XUẤT CỤ THỂ

- Với các cơ quan quản lý nhà nước
 - Cần rà soát về thủ tục hành chính tư pháp, đảm bảo công khai, minh bạch, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin, tăng cường dân chủ cơ sở
 - Cần rà soát thủ tục và thực tế cấp GCNQSDĐ cho người dân ở địa phương; cần đối xử công bằng với người dân cũng như với doanh nghiệp trong sử dụng và tiếp cận đất đai
 - Cần rà soát công tác giải quyết khiếu nại hành chính ở địa phương, giải quyết thỏa đáng và hiệu quả yêu cầu của người dân
 - Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao hiểu biết pháp luật cho người dân, tập trung vào các chuyên đề về Hiến pháp, các quyền cơ bản của công dân cũng như cơ chế và biện pháp người dân có thể sử dụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp
 - Nâng cao thái độ và phong cách chuyên nghiệp của cán bộ nhà nước; tăng cường trách nhiệm giải trình
 - Rà soát việc thực thi các chính sách xã hội với người nghèo, người nhập cư, và các nhóm yếu thế để đảm bảo tốt hơn công bằng xã hội

Đề xuất cụ thể

- Với cơ quan tư pháp/toà án:
 - Các biện pháp cụ thể cần được triển khai để cải thiện niềm tin của của người dân và doanh nghiệp vào hệ thống toà án theo hướng dễ tiếp cận, liêm chính và nghiêm minh
- Với các cơ quan dân cử:
 - Sử dụng kết quả và thông tin từ Chỉ số Công lý (và các chỉ số quản trị nói chung) như một công cụ chính sách cung cấp cho Đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố, và Hội đồng Nhân dân các cấp những thông tin, dữ liệu khách quan về hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp nói riêng và hệ thống các cơ quan công quyền nói chung

Trân trọng cảm ơn!
www.chisocongly.vn

